| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 163/2022/QĐST-HNGĐ | *Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 12 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
## (V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Chủ tọa phiên họp*: Ông Bùi Quang Năng - Thẩm phán.

*Thư ký phiên họp*: Bà Hà Thị Vân Nga.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp*: Bà Hồ Thị Thùy Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2022/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định mở phiên họp số 164/2022/QĐ-TA ngày 20 tháng 12 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm 1997; Địa chỉ: TDP A, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn H; sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan. Có ý kiến xin giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn có tại hồ sơ, chị Trần Thị Hoài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài T và anh Bùi Văn H kết hôn vào ngày 01/9/2020, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, chị đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc còn anh H ở nhà. Đến tháng 10/2020, anh H cũng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc. Nhưng đến tháng 01/2021, do khung giờ làm việc trái ngược nhau nên hai bên không còn thời gian để liên lạc, tình cảm vợ chồng vì thế phai nhạt dần. Hiện tại, bản thân chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã hết sức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc chị T không thể về tham gia giải quyết vụ việc được nên chị T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022, với sự chứng kiến đại diện Tòa án và của chính quyền địa phương, ông Bùi Văn D là bố đẻ anh H đã có cuộc gọi bằng hình ảnh cho anh Bùi Văn H để nghe anh H trình bày quan điểm của mình về vụ việc. Qua cuộc gọi, anh H đã trình bày về quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung cơ bản thống nhất như trình bày của chị Trần Thị Hoài T. Anh H cũng xét thấy, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hoài T và anh Bùi Văn H. Đồng thời, anh cũng yêu cầu Tòa án công nhận sự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung (vì vợ chồng không có con chung) tài sản chung và nợ chung. Do điều kiện công việc anh không thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc ly hôn giữa hai bên nên anh có ý kiến xin giải quyết vụ việc vắng mặt anh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Bùi Văn H hiện cư trú tại Đài Loan, có xác nhận tại Công văn số 22457/QLXNC-P5 ngày 26/10/2022 của Cục Q1- Bộ C. Chị Trần Thị Hoài T có nơi cư trú tại thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án, chị Trần Thị Hoài T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn. Vì vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 BLTTDS. Quá trình giải quyết, các bên đã thống nhất toàn bộ nội dung vụ việc và thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cùng các quan hệ nuôi con, tài sản chung nên Tòa án đã ra Quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án thành việc hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 29 BLTTDS. Chị Trần Thị Hoài T và anh Bùi Văn H đều có đơn và ý kiến xin vắng mặt. Chị Trần Thị Hoài T đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Đình Q còn anh H ủy quyền cho ông Bùi Văn D. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị T và anh H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoài T và anh Bùi Văn H có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp.

Sau đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chị T anh H chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, chưa thiết lập cuộc sống chung đã phải sống xa nhau. Chị T xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, còn anh H lao động ở Đài Loan. Tình cảm vợ chồng vì thế không có sự gắn kết, dần phai nhạt. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh H đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hoài T và anh Bùi Văn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; Điểm b, khoản 1 điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hoài T và anh Bùi Văn H.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị Hoài T (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000378 ngày 04/11/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

**Nơi nhận**
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thuận Lộc;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

**THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

**Bùi Quang Năng**